

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	
Bảng cân đối kế toán riêng	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 – 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 – 38

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần - số 0101178800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 09 năm 2010, đã đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 21 tháng 12 năm 2020.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101178800 được sửa đổi lần thứ 18 ngày 21 tháng 12 năm 2020, Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các thiết bị Y tế.

Trụ sở chính: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty là: 1.125.001.710.000 đồng (Một nghìn một trăm hai mươi lăm tỷ, không trăm lẻ một triệu, bảy trăm mười nghìn đồng).

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Huy Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2020 (Phó Chủ tịch HĐQT từ ngày 30 tháng 09 năm 2020)
Ông Hosono Kyohei	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020
Ông Cao Tiến Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020 Từ nhiệm ngày 08 tháng 04 năm 2021
Ông Vũ Hoàng Việt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 09 năm 2020
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 09 năm 2020
Ông Nguyễn Lân Việt Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020
Ông Hoàng Văn Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020
Ông Trần Ngọc Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020
Ông Hoàng Diệp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020
Bà Vũ Thị Thúy Hằng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020
Ông Nguyễn Thế Hường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 09 năm 2020
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 09 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 09 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Việt Cường	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020
Bà Vũ Thị Thúy Hằng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020
Ông Lê Minh Chung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 05 năm 2021
Ông Hoàng Văn Kiên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2020
Ông Trần Ngọc Khánh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2020
Bà Dương Thùy Mai	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2021
Bà Vương Văn Anh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 05 năm 2021
Ông Bùi Khang	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Lê Thắng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 09 năm 2020
Bà Đặng Thị Hà Giang	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Vỹ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2020
Ông Trần Đức Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 09 năm 2020
		Từ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2020
Ông Ngô Văn Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 09 năm 2020

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Huy Tuấn Chủ tịch HĐQT

Ông Hoàng Văn Kiên, Phó Tổng giám đốc, được ủy quyền ký báo cáo tài chính cho năm tài chính 2020 theo giấy ủy quyền số 04/UQ-JVC ngày 25 tháng 02 năm 2021.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021 và tình hình tài chính riêng vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng.
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày; phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Kiên

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2021



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

Số: 082/2021/BCKT-PB.00388

PKF
Accountants &
business advisers

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 06 năm 2021, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, khoản mục phải thu khách hàng ngắn hạn bao gồm số tiền 59.267.731.518 đồng và khoản mục phải thu khác ngắn hạn bao gồm số tiền tạm ứng 13.645.339.439 đồng tồn đọng lâu ngày và biến động không đáng kể từ 31 tháng 03 năm 2016. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi toàn bộ các khoản phải thu khách hàng và tạm ứng nêu trên. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu và tính đầy đủ của các khoản công nợ này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này trên báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021 hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020 được kiểm toán bởi kiểm toán viên của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về tính hiện hữu của các khoản công nợ phải thu khách hàng với giá trị là 59.314.807.118 đồng và khoản nợ phải thu khác với giá trị là 13.645.339.439 đồng, đồng thời ngoại trừ về tính chính xác của giá trị dự phòng đã trích lập đối với các khoản phải thu này do không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán.



PHẠM TUẤN VŨ

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2030-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

– CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2021

LÊ VIẾT CƯỜNG

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2478-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/03/2021 VND	01/04/2020 VND
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		299.855.677.424	306.773.775.324
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	120.013.368.736	38.542.950.729
1. Tiền	111		6.513.368.736	8.542.950.729
2. Các khoản tương đương tiền	112		113.500.000.000	30.000.000.000
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	180.000.000	11.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		180.000.000	11.000.000.000
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		117.738.262.964	131.448.351.491
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	406.946.268.091	418.021.823.321
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	327.651.037.273	337.111.372.531
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		999.242.500	999.242.500
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	507.710.366.721	505.592.141.765
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(1.125.568.651.621)	(1.130.276.228.626)
IV/ Hàng tồn kho	140	5.7	60.072.433.902	123.159.626.325
1. Hàng tồn kho	141		103.181.988.901	161.699.842.297
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(43.109.554.999)	(38.540.215.972)
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		1.851.611.822	2.622.846.779
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	1.407.028.875	1.342.021.792
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		185.236.708	968.779.634
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	259.346.239	312.045.353
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		323.248.922.955	308.149.745.146
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		46.396.346.785	2.748.846.924
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	46.396.346.785	2.748.846.924
II/ Tài sản cố định	220		211.079.858.546	277.963.149.418
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	207.871.009.357	277.610.950.284
- Nguyên giá	222		723.877.635.504	772.960.832.042
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(516.006.626.147)	(495.349.881.758)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	3.208.849.189	352.199.134
- Nguyên giá	228		4.326.437.980	885.000.480
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.117.588.791)	(532.801.346)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		933.657.355	10.347.850.300
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	933.657.355	10.347.850.300
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	56.215.200.000	4.520.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		72.853.000.000	72.853.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		750.000.000	750.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		110.750.000.000	110.750.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(184.353.000.000)	(184.353.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		56.215.200.000	4.520.000.000
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		8.623.860.269	12.569.898.504
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	8.623.860.269	12.569.898.504
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		623.104.600.379	614.923.520.470

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/03/2021 VND	01/04/2020 VND
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		172.757.784.893	105.569.445.478
I/ Nợ ngắn hạn	310		156.164.797.118	80.787.735.306
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	32.010.041.522	49.538.623.349
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	12.401.565.000	4.894.975.100
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	694.308.871	221.692.162
4. Phải trả người lao động	314		133.834.009	62.659.805
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	32.562.686.961	23.549.095.085
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	5.484.212.262	1.057.567.838
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	67.087.483.989	-
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		5.790.664.504	1.463.121.967
II/ Nợ dài hạn	330		16.592.987.775	24.781.710.172
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	12.614.553.791	24.781.710.172
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	3.978.433.984	-
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		450.346.815.486	509.354.074.992
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.18	450.346.815.486	509.354.074.992
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.125.001.710.000	1.125.001.710.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		1.125.001.710.000	1.125.001.710.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		402.288.328.850	402.288.328.850
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.211.235.252	19.211.235.252
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.096.154.458.616)	(1.037.147.199.110)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối	421a		(1.037.147.199.110)	(1.043.132.533.466)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(59.007.259.506)	5.985.334.356
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		623.104.600.379	614.923.520.470



Hoàng Văn Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2021

Trần Đức Thanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lụa
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	409.310.655.698	516.349.645.147
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	208.520.363	2.132.139.603
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp	10		409.102.135.335	514.217.505.544
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	368.581.717.462	403.099.442.138
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		40.520.417.873	111.118.063.406
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	6.663.523.270	3.515.915.375
7. Chi phí tài chính	22	6.5	3.674.473.000	513.313.604
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.214.024.670	9.038.195
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	64.949.235.711	80.133.080.489
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	32.337.295.141	39.021.585.500
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(53.777.062.709)	(5.034.000.812)
11. Thu nhập khác	31	6.8	3.473.375.737	13.217.279.932
12. Chi phí khác	32	6.9	8.703.572.534	2.197.944.764
13. Lợi nhuận khác	40		(5.230.196.797)	11.019.335.168
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(59.007.259.506)	5.985.334.356
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(59.007.259.506)	5.985.334.356



Hoàng Văn Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2021

Trần Đức Thanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lụa
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(59.007.259.506)	5.985.334.356
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	100.329.982.101	73.531.708.161
- Các khoản dự phòng	03	4.189.304.559	9.401.539.307
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(346.166.753)	199.851.529
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	1.727.830.599	(1.454.051.138)
- Chi phí lãi vay	06	1.214.024.670	9.038.195
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	48.107.715.670	87.673.420.410
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	27.542.814.461	19.674.517.038
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	58.517.853.396	(5.898.382.066)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(7.921.060.573)	(67.796.534.682)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.881.031.152	1.600.630.801
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.146.918.439)	(9.038.195)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(5.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	128.976.435.667	35.244.613.306
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(40.808.310.598)	(22.454.532.515)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	5.707.448.059	1.245.595.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(86.175.200.000)	(13.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	550.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.704.126.906	2.380.409.991
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(118.571.935.633)	(31.278.527.524)

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1. Tiền thu từ đi vay	33	89.564.205.629	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(18.498.287.656)	(500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài	40	71.065.917.973	(500.000.000)
 Lưu chuyển tiền thuần trong năm	 50	 81.470.418.007	 3.466.085.782
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	38.542.950.729	35.076.864.947
Ảnh thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	
 Tiền và tương đương tiền cuối năm	 70	 120.013.368.736	 38.542.950.729



Hoàng Văn Kiên

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2021

Trần Đức Thanh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lụa

Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần - số 0101178800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 09 năm 2010, đã đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 21 tháng 12 năm 2020.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101178800 được sửa đổi lần thứ 18 ngày 21 tháng 12 năm 2020, Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các thiết bị Y tế.

Trụ sở chính: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty là: 1.125.001.710.000 đồng (Một nghìn một trăm hai mươi lăm tỷ, không trăm lẻ một triệu, bảy trăm mười nghìn đồng).

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101178800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 09 năm 2010, thay đổi lần thứ 18 ngày 21 tháng 12 năm 2020 hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Bán buôn máy móc, thiết bị, dụng cụ Y tế;
- Cho thuê máy móc, thiết bị Y tế;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;

...

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.4 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Các chi nhánh

Tên chi nhánh	Địa chỉ	Hạch toán kế toán
Chi nhánh Công ty CP Thiết bị Y tế Việt Nhật tại Hồ Chí Minh	Tầng 05 - tòa nhà văn phòng – Cao Ốc Central Garden - 328 Võ Văn Kiệt, Lô C, P. Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Hạch toán phụ thuộc

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

Các Công ty con sở hữu trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích tại ngày 31 tháng 03 năm 2021
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	Tầng 24 – Toà nhà Icon 4 – 243A Đê La Thành – phường Láng Thượng – Q. Đống Đa – Hà Nội	Kinh doanh thiết bị Y tế	100%	100%

Các Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích tại ngày 31 tháng 03 năm 2021
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	Số 19 Võ Văn Tần, Phường 06, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh thiết bị y tế	25%	25%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm sau.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư sửa đổi có liên quan.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty khác

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo qui định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

doanh nghiệp. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Công ty thực hiện thành lập hội đồng đánh giá khả năng tiêu thụ và đặc tính kỹ thuật còn lại của hàng tồn kho, từ đó xây dựng mức trích lập dự phòng cho mỗi mặt hàng. Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập dựa theo kết quả đánh giá của hội đồng này.

Đối với dịch vụ cung cấp dễ dàng, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí mua bảo hiểm xe ô tô, bảo hiểm tai nạn cho người lao động.... Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng đối với từng khoản chi phí.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	02 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021, thời gian trích khấu hao của một số máy móc thiết bị được điều chỉnh giảm tương ứng với thời gian của hợp đồng liên kết với các bệnh viện và cơ sở khám chữa bệnh. Việc thay đổi thời gian trích khấu hao dẫn đến chi phí khấu hao máy móc thiết bị của năm nay tăng thêm 30.314.926.642 đồng so với mức trích khấu hao của năm tài chính trước đó.

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 – 05 năm.

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo quy định tại điều lệ Công ty.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận chưa phân phối là lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ đi các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu các năm trước.

Lợi nhuận chưa phân phối được phân phối theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông sau khi bù trừ các khoản lỗ lũy kế (nếu có).

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay dài hạn trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng cơ bản thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn vay bình quân cho hoạt động chăm sóc vườn cây cao su kiến thiết và vốn vay bình quân chăm sóc cho vườn cây cao su khai thác.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.16 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/03/2021 VND	01/04/2020 VND
Tiền mặt	45.617.000	1.190.009.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.467.751.736	7.352.941.729
- Tiền gửi VND	6.467.728.743	7.352.941.729
- Tiền gửi ngoại tệ	22.993	-
Các khoản tương đương tiền	113.500.000.000	30.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	30.000.000.000
- Đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn (1)	113.500.000.000	-
Cộng	120.013.368.736	38.542.950.729

(1) Bao gồm các khoản hợp tác đầu tư với các pháp nhân khác. Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật có quyền rút một phần hoặc toàn bộ vốn hợp tác sau khi thông báo cho đối tác chậm nhất 01 ngày làm việc trước thời điểm dự kiến chấm dứt hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 03 năm 2021:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	1,00	22.993

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

5.2.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	180.000.000	180.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	180.000.000	180.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000
Dài hạn	56.215.200.000	56.215.200.000	4.520.000.000	4.520.000.000
Trái phiếu BIDV	-	-	4.520.000.000	4.520.000.000
Trái phiếu BTW	56.028.000.000	56.028.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	187.200.000	187.200.000	-	-
Cộng	56.395.200.000	56.395.200.000	15.520.000.000	15.520.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT
 Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.2.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2021				01/04/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	72.853.000.000	72.853.000.000	-	72.853.000.000	72.853.000.000	-
- Công ty TNHH Kyoto Medical Science	72.853.000.000	72.853.000.000	-	72.853.000.000	72.853.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	750.000.000	750.000.000	-	750.000.000	750.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	750.000.000	750.000.000	-	750.000.000	750.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	110.750.000.000	110.750.000.000	-	110.750.000.000	110.750.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên (1)	110.750.000.000	110.750.000.000	-	110.750.000.000	110.750.000.000	-
Cộng	184.353.000.000	184.353.000.000	-	184.353.000.000	184.353.000.000	-

(1) Đây là khoản đầu tư vào dự án liên kết thiết bị y tế cùng với Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên tại hai bệnh viện ở Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	-	-	29.500.000	-
Phải thu các khách hàng khác				
Công ty CP đầu tư A1	88.842.829.825	(88.842.829.825)	88.842.829.825	(88.842.829.825)
Công ty TNHH TM Hương Đông	58.647.065.137	(58.647.065.137)	58.647.065.137	(58.647.065.137)
Các khách hàng khác	259.456.373.129	(160.703.633.973)	270.502.428.359	(161.023.844.097)
Cộng	406.946.268.091	(308.193.528.935)	418.021.823.321	(308.513.739.059)

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước các bên liên quan				
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	26.263.256.592	(26.263.256.592)	38.033.256.592	(38.033.256.592)
Trả trước các đối tượng khác				
JWB CO., LTD	190.230.906.514	(190.230.906.514)	190.230.906.514	(190.230.906.514)
Nishimura Medical Instrument - JPY	29.872.783.121	(29.872.783.121)	29.872.783.121	(29.872.783.121)
Công ty TNHH trang thiết bị công trình y tế	24.725.000.000	(24.725.000.000)	24.725.000.000	(24.725.000.000)
Các đối tượng khác	56.559.091.046	(44.595.113.157)	54.249.426.304	(39.225.623.157)
Cộng	327.651.037.273	(315.687.059.384)	337.111.372.531	(322.087.569.384)

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.5 Phải thu khác ngắn hạn

5.5.1 Phải thu khác ngắn hạn

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các đối tượng khác				
Tiền ứng trước, tiền bảo lãnh và thanh toán hộ (i)	403.295.265.000	(403.295.265.000)	403.295.265.000	(403.295.265.000)
Tiền tạm ứng cho CBNV (ii)	91.891.040.131	(91.315.428.346)	92.604.329.087	(91.315.428.346)
Ký quỹ, ký cược	3.336.355.328	-	452.480.000	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn tạm tính	2.701.099.847	-	464.957.450	-
Phải thu nhân viên liên quan đến tiền mặt thiếu chờ xử lý	3.464.052.986	(3.464.052.986)	3.477.746.986	(3.477.746.986)
Phải thu cơ quan chức năng liên quan đến tiền mặt thiếu chờ xử lý	-	-	2.261.219.600	-
Vốn liên kết với các bệnh viện	2.196.001.887	(2.010.283.138)	1.033.593.750	-
Phải thu khác	826.551.542	(603.791.332)	2.002.549.892	(587.237.351)
Cộng	507.710.366.721	(500.688.820.802)	505.592.141.765	(498.675.677.683)

(i) Đây là khoản tiền Công ty ứng trước, bảo lãnh và thanh toán hộ liên quan đến các nhân viên quản lý chủ chốt tiền nhiệm.

(ii) Số dư các khoản tạm ứng tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 bao gồm khoản phải thu giá trị 13.645.339.439 đồng không được lưu trữ đầy đủ hồ sơ gốc và tồn đọng lâu ngày (tại ngày 31 tháng 03 năm 2020 là 13.645.339.439 đồng, số dư không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 03 năm 2016).

5.5.2 Phải thu khác dài hạn

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các đối tượng khác				
Vốn liên kết với các bệnh viện	-	-	1.664.970.639	-
Các khoản hợp tác đầu tư (1)	45.300.000.000	-	-	-
Ký quỹ, ký cược	1.096.346.785	-	1.083.876.285	-
Cộng	46.396.346.785	-	2.748.846.924	-

(1) Đây là các khoản hợp tác đầu tư với thời gian đầu tư là 03 năm, lợi nhuận đầu tư Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật thu được sẽ tùy thuộc vào hiệu quả đầu tư của các Công ty nhận tiền hợp tác đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT
Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.6 Nợ xấu

	31/03/2021			01/04/2020		
	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thu hồi VND	Thời gian quá hạn VND	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thu hồi VND	Thời gian quá hạn VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	315.933.893.176	7.740.364.241		317.299.224.437	8.785.485.378	
Công ty Cổ phần Dầu tư A1	88.842.829.825	-	Trên 3 năm	88.842.829.825	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Thương mại Hướng Đông	58.647.065.137	-	Trên 3 năm	58.647.065.137	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Thiết bị Kỹ thuật HB	33.792.574.163	-	Trên 3 năm	33.792.574.163	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên	17.538.520.392	-	Không xác định	17.538.520.392	-	Không xác định
Công ty TNHH MTV 16A - (Bệnh viện Đa khoa 16A Hà Đông)	17.028.030.001	-	Trên 3 năm	17.028.030.001	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	10.797.500.000	-	Trên 3 năm	10.797.500.000	-	Trên 3 năm
Các đối tượng khác	89.287.373.658	7.740.364.241	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	90.652.704.919	8.785.485.378	Từ 6 tháng đến trên 3 năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	315.687.059.384	-		322.087.569.384	-	
JWB Co., Ltd.	190.230.906.514	-	Không xác định	190.230.906.514	-	Không xác định
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	26.263.256.592	-	Không xác định	38.033.256.592	-	Không xác định
Nishimura Medical Instrument	29.872.783.121	-	Không xác định	29.872.783.121	-	Không xác định
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	24.725.000.000	-	Không xác định	24.725.000.000	-	Không xác định
RC Medical Co., Ltd.	21.080.000.000	-	Không xác định	21.080.000.000	-	Không xác định
Gold Lite PTE. Ltd	14.851.200.000	-	Không xác định	14.851.200.000	-	Không xác định
Các đối tượng khác	8.663.913.157	-	Không xác định	3.294.423.157	-	Không xác định

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT
Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.6 Nợ xấu (tiếp)

	31/03/2021			01/04/2020		
	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thu hồi VND	Thời gian quá hạn VND	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thu hồi VND	Thời gian quá hạn VND
Phải thu ngắn hạn khác	500.828.102.802	139.282.000		500.953.451.264	2.277.773.581	
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên	315.360.806.472	-	Không xác định	315.360.806.472	-	Không xác định
Công ty TNHH Thương Mại Hướng Đông	87.934.458.528	-	Không xác định	87.934.458.528	-	Không xác định
Tạm ứng cho nhân viên hoặc nhân viên chủ chốt tiền nhiệm	91.315.428.346	-	Không xác định	91.315.428.346	16.553.981	Không xác định
Phải thu liên quan đến chênh lệch tiền mặt chờ xử lý	3.464.052.986	-	Không xác định	5.738.966.586	2.261.219.600	Không xác định
Các đối tượng khác	2.753.356.470	139.282.000	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	603.791.332	-	Dưới 6 tháng
Phải thu về cho vay ngắn hạn	999.242.500	-		999.242.500	-	
Bệnh viện Đa khoa Huyện Lâm Thao	999.242.500	-	Trên 3 năm	999.242.500	-	Trên 3 năm
Cộng	1.133.448.297.862	7.879.646.241		1.141.339.487.585	11.063.258.959	

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.7 Hàng tồn kho

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	6.946.937.301	-	13.067.745.256	-
Chi phí SX, KD dở dang	631.709.541	-	992.020.037	-
Hàng hoá	81.670.707.523	(43.109.554.999)	141.688.324.462	(38.540.215.972)
Hàng gửi đi bán	13.932.634.536	-	5.951.752.542	-
Cộng	103.181.988.901	(43.109.554.999)	161.699.842.297	(38.540.215.972)

5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/03/2021 VND	01/04/2020 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	706.843.958	714.197.067
Các khoản khác	700.184.917	627.824.725
Cộng	1.407.028.875	1.342.021.792

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/03/2021 VND	01/04/2020 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	353.921.716	167.890.810
Chi phí sửa chữa tài sản	8.144.194.963	11.044.056.353
Cải tạo, sửa chữa văn phòng	-	1.134.531.037
Các khoản khác	125.743.590	223.420.304
Cộng	8.623.860.269	12.569.898.504

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẤT
Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.9 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ					
Số dư tại 01/04/2020	-	747.771.365.436	24.889.045.249	300.421.357	772.960.832.042
Đầu tư XDCB hoàn thành		41.442.118.588	5.296.941.091	42.006.364	46.781.066.043
Thanh lý, nhượng bán		(63.439.785.847)	(8.323.981.818)		(71.763.767.665)
Giảm do tài trợ y tế		(24.100.494.916)			(24.100.494.916)
Số dư tại 31/03/2021	-	701.673.203.261	21.862.004.522	342.427.721	723.877.635.504
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư tại 01/04/2020	-	480.438.507.303	14.675.016.098	236.358.357	495.349.881.758
Khấu hao trong năm		100.359.243.791	2.310.711.084	36.728.134	102.706.683.009
Thanh lý, nhượng bán		(58.769.607.214)	(2.379.492.534)		(61.149.099.748)
Giảm do tài trợ y tế		(20.900.838.872)			(20.900.838.872)
Số dư tại 31/03/2021	-	501.127.305.008	14.606.234.648	273.086.491	516.006.626.147
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/04/2020	-	267.332.858.133	10.214.029.151	64.063.000	277.610.950.284
Số dư tại 31/03/2021	-	200.545.898.253	7.255.769.874	69.341.230	207.871.009.357

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 141.993.339.582 đồng.
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 59.311.084.890 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.10 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/04/2020	885.000.480	-	885.000.480
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.441.437.500		3.441.437.500
Số dư tại 31/03/2021	<u>4.326.437.980</u>	<u>-</u>	<u>4.326.437.980</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư tại 01/04/2020	532.801.346	-	532.801.346
Khấu hao trong năm	584.787.445		584.787.445
Số dư tại 31/03/2021	<u>1.117.588.791</u>	<u>-</u>	<u>1.117.588.791</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 01/04/2020	352.199.134	-	352.199.134
Số dư tại 31/03/2021	<u>3.208.849.189</u>	<u>-</u>	<u>3.208.849.189</u>

5.11 Chi phí XDCB dở dang

	01/04/2020	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ trong	31/03/2021
	VND	VND	VND	VND
Mua sắm TSCĐ	10.347.850.300	40.808.310.598	50.222.503.543	933.657.355
- Dự án máy MRI Aperto Lucent	10.239.353.300	1.299.906.296	11.539.259.596	-
- Các dự án khác	108.497.000	39.508.404.302	38.683.243.947	933.657.355
	<u>10.347.850.300</u>	<u>40.808.310.598</u>	<u>50.222.503.543</u>	<u>933.657.355</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan				
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	390.000.000	390.000.000	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác				
Hitachi Medical Systems (S) Pte Ltd	11.807.793.613	11.807.793.613	21.807.192.000	21.807.192.000
Công ty TNHH Fujifilm Việt Nam	9.205.024.901	9.205.024.901	18.203.896.771	18.203.896.771
KONICA MINOLTA INC.	6.806.506.514	6.806.506.514	6.409.838.563	6.409.838.563
Các đối tượng khác	3.800.716.494	3.800.716.494	3.117.696.015	3.117.696.015
Cộng	32.010.041.522	32.010.041.522	49.538.623.349	49.538.623.349

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
CN Công Ty CP Du Lịch Và Dược Phẩm Sơn Lâm - Bệnh viện Đa khoa Thiện Nhân	3.105.000.000	3.105.000.000	-	-
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa	2.664.083.341	2.664.083.341	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ Y dược Quỳnh Lưu	-	-	1.464.000.000	1.464.000.000
Công ty TNHH Thương Mại Kỹ Thuật Hà Lê	-	-	1.235.352.800	1.235.352.800
Khác	6.632.481.659	6.632.481.659	2.195.622.300	2.195.622.300
Cộng	12.401.565.000	12.401.565.000	4.894.975.100	4.894.975.100

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT
Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	3.852.045.101	3.220.045.126	-	631.999.975
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	1.289.876.462	1.255.729.622	-	34.146.840
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.000.000	-	-	5.000.000	10.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	307.045.353	221.692.162	5.699.472.491	5.850.594.646	249.346.239	12.870.893
Các loại thuế khác	-	-	848.318.284	833.027.121	-	15.291.163
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	5.118.000	5.118.000	-	-
Cộng	312.045.353	221.692.162	11.694.830.338	11.169.514.515	259.346.239	694.308.871

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.15 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.15.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Kinh phí công đoàn	113.370.000	113.370.000	153.848.700	153.848.700
Vốn liên kết đã nhận (i)	4.301.549.013	4.301.549.013	-	-
Phải trả khác	1.069.293.249	1.069.293.249	903.719.138	903.719.138
Cộng	5.484.212.262	5.484.212.262	1.057.567.838	1.057.567.838

(i) Phản ánh khoản tiền vốn nhận của các cá nhân góp vốn đầu tư vào hoạt động liên kết

5.15.2 Phải trả dài hạn khác

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vốn liên kết đã nhận (i)	12.614.553.791	12.614.553.791	24.781.710.172	24.781.710.172
Cộng	12.614.553.791	12.614.553.791	24.781.710.172	24.781.710.172

(i) Phản ánh khoản tiền vốn nhận của các cá nhân góp vốn đầu tư vào hoạt động liên kết

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/03/2021	01/04/2020
	VND	VND
Chi phí tư vấn chuyên môn	12.587.825.707	6.486.144.576
Phải trả cho cá nhân góp vốn đầu tư	13.557.526.134	5.839.777.105
Chi phí bảo trì, sửa chữa	231.934.848	1.073.769.282
Chi phí hoa hồng kinh doanh	3.400.462.712	6.479.087.317
Chi phí lãi vay	67.106.231	-
Chi phí khác	2.717.831.329	3.670.316.805
Cộng	32.562.686.961	23.549.095.085

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT
Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.17 Vay và nợ thuế tài chính

5.17.1 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	31/03/2021		Trong năm		01/04/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1>Vay ngắn hạn	65.307.483.989	65.307.483.989	82.470.771.645	17.163.287.656	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN	35.576.091.428	35.576.091.428	44.635.219.084	9.059.127.656	-	-
Sở Giao dịch 1						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình	29.731.392.561	29.731.392.561	37.835.552.561	8.104.160.000	-	-
2> Vay dài hạn đến hạn trả	1.780.000.000	1.780.000.000	3.115.000.000	1.335.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình	1.780.000.000	1.780.000.000	3.115.000.000	1.335.000.000	-	-
Cộng	67.087.483.989	67.087.483.989	85.585.771.645	18.498.287.656	-	-

5.17.2 Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	31/03/2021		Trong năm		01/04/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình	3.978.433.984	3.978.433.984	7.093.433.984	3.115.000.000	-	-
Cộng	3.978.433.984	3.978.433.984	7.093.433.984	3.115.000.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẤT
Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.17.3 Thuyết minh các khoản vay

VAY NGẮN HẠN

Hợp đồng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Hạn mức vay	Số dư nợ gốc tại 31/03/2021	Mục đích vay	Tài sản bảo đảm
Khoản vay Ngân hàng MB - CN Sở Giao dịch 1 76009.20.002.449769.TD ngày 31/12/2020		Theo từng khế ước nhận nợ	60.000.000.000 đồng	35.576.091.428	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	- Tiền ký quỹ tại ngân hàng MB - Máy móc, thiết bị - Hệ thống ô tô khám bệnh lưu động - Hàng tồn kho luân chuyển - Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng số 271/2021/BVĐKT-VN và các phụ lục khác đính kèm
Khoản vay ngân hàng BIDV - CN Mỹ Đình 01/2020/6453135/HĐTD ngày 23/09/2020	12 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	54.000.000.000 đồng	29.731.392.561	Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở LC	- Máy móc thiết bị - Xe ô tô - Trái phiếu do BIDV phát hành mã BID2_18.05_03074 - HĐTG có ký hạn số 04/2018/6453135/HĐTG
Cộng				35.576.091.428		

VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Hợp đồng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 31/03/2021	Số phải trả đến 31/03/2022	Mục đích vay	Tài sản bảo đảm
Khoản vay ngân hàng BIDV - CN Mỹ Đình 01/20206453135/HĐTD ngày 25/6/2020	48 tháng	8%/năm trong năm đầu tiên, những năm tiếp theo bằng LS tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 3,5%/năm	6.648.433.984	1.780.000.000	Thanh toán tiền mua máy chụp cộng hưởng từ MRI	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
Cộng			6.648.433.984	1.780.000.000		

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT
 Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.18 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)

5.18.1 Bảng biến động VCSH

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/04/2019	1.125.001.710.000	402.288.328.850	19.211.235.252	(1.043.132.533.466)	503.368.740.636
Lãi trong năm trước				5.985.334.356	5.985.334.356
Số dư tại 31/03/2020	1.125.001.710.000	402.288.328.850	19.211.235.252	(1.037.147.199.110)	509.354.074.992
Số dư tại 01/04/2020	1.125.001.710.000	402.288.328.850	19.211.235.252	(1.037.147.199.110)	509.354.074.992
Lãi/(Lỗ) trong năm nay				(59.007.259.506)	(59.007.259.506)
Số dư tại 31/03/2021	1.125.001.710.000	402.288.328.850	19.211.235.252	(1.096.154.458.616)	450.346.815.486

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

5.18.2 Cổ phiếu

	31/03/2021 <i>Cổ phiếu</i>	01/04/2020 <i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	112.500.171	112.500.171
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	112.500.171	112.500.171
Cổ phiếu phổ thông	112.500.171	112.500.171
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	112.500.171	112.500.171
Cổ phiếu phổ thông	112.500.171	112.500.171
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay <i>VND</i>	Năm trước <i>VND</i>
Doanh thu bán hàng hóa	270.083.916.176	359.934.695.020
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.780.677.248	25.925.170.047
Doanh thu được chia từ các dự án liên kết	117.446.062.274	130.489.780.080
Cộng	409.310.655.698	516.349.645.147

Trong đó, doanh thu với bên liên quan

	Năm nay <i>VND</i>	Năm trước <i>VND</i>
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	627.142.856	2.023.593.073
Cộng	627.142.856	2.023.593.073

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay <i>VND</i>	Năm trước <i>VND</i>
Hàng bán bị trả lại	208.520.363	2.132.139.603
Cộng	208.520.363	2.132.139.603

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	205.785.422.118	270.343.028.892
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	23.267.897.244	24.800.029.239
Giá vốn liên quan đến dự án liên kết thiết bị y tế	134.959.059.073	108.267.245.764
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.569.339.027	(310.861.757)
Cộng	368.581.717.462	403.099.442.138

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.940.269.303	2.566.143.639
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.377.087.214	949.771.736
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	346.166.753	-
	6.663.523.270	3.515.915.375

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	1.214.024.670	9.038.195
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	360.448.330	304.423.880
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	199.851.529
Chi phí tài chính khác	2.100.000.000	-
Cộng	3.674.473.000	513.313.604

6.6 Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	23.702.824.706	24.623.273.879
Chi phí bán hàng khác	41.246.411.005	55.509.806.610
Cộng	64.949.235.711	80.133.080.489

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	19.943.936.910	15.425.053.381
Chi phí dự phòng	(4.707.577.005)	8.249.279.097
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	17.100.935.236	15.347.253.022
Cộng	32.337.295.141	39.021.585.500

6.8 Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	45.454.545
Thu nhập từ hỗ trợ, hàng biếu tặng và thưởng từ nhà cung cấp	3.369.801.652	12.479.834.724
Các khoản khác	103.574.085	691.990.663
Cộng	3.473.375.737	13.217.279.932

6.9 Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ thanh lý TSCĐ	7.536.309.414	966.294.963
Các khoản bị phạt, truy thu	-	38.979.586
Chi phí khác	1.167.263.120	1.192.670.215
Cộng	8.703.572.534	2.197.944.764

6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	63.911.004.656	48.752.076.328
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.971.261.866	1.832.006.703
Chi phí khấu hao tài sản cố định	100.329.982.101	72.642.440.346
Chi phí dự phòng	4.189.304.559	9.401.539.307
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền	72.235.478.611	109.407.115.538
Cộng	256.637.031.793	242.035.178.222

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	8.022.412.435	5.330.442.808

7.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền VND
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	Công ty con	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	627.142.856
		Mua hàng hóa, cung cấp dịch vụ	427.272.728

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5

7.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

7.3 Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

7.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.



Hoàng Văn Kiên
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2021

Trần Đức Thanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lụa
Người lập biểu